TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố B, ngày 23 tháng 7 năm 2019

Số: 1185/2019/QĐST-VHNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 5, 6, 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1580/2019/TLST-VHNGĐ, ngày 15/7/2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

Ông **Đặng Quốc H**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 24/1, tổ 8, khu phố 3, phường Tân Hiệp, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Bà **Bùi Thị V**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: E352, tổ 4B, khu phố 5, phường Long Bình, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Quốc H và bà Bùi Thị V tự nguyện kết hôn với nhau, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/12/1999 nên căn cứ Điều 5, 6, 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay ông Hiệp và bà Vân xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là chị Đặng Như Q, sinh ngày 06/8/2000, cháu Đặng Bùi Thùy Tr, sinh ngày 20/3/2006 và cháu Đặng Bùi Phương V, sinh ngày 13/7/2015. Ly hôn, chị Quỳnh đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông Hiệp và bà Vân không yêu cầu xem xét. Đối với cháu Tr và cháu V, ông H bà V thỏa thuận giao cho bà V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm thời, ông H cấp dưỡng nuôi cháu Trsố tiền là 1.500.000đ/01 tháng, cháu V số tiền là 1.500.000đ/01 tháng. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Ông Đặng Quốc H và bà Bùi Thị V mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 300.000đ ông H, bà V đã nộp theo biên lai thu số 0008826 ngày 15/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Quốc H, sinh năm 1974 và bà Bùi Thị V, sinh năm 1975 thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Q và bà V, giao 02 con chung là chị Đặng Bùi Thùy Tr, sinh ngày 20/3/2006 và cháu Đặng Bùi Phương V, sinh ngày 13/7/2015 cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông H cấp dưỡng nuôi cháu Tr số tiền là 1.500.000đ/01 tháng, cháu Vy số tiền là 1.500.000đ/01 tháng. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động. Đối với chị Đặng Như Q, sinh ngày 06/8/2000 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét.

Ông H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản ông H thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi vị trí nuôi con, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, bà V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H không cấp dưỡng nuôi con số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Ông Đặng Quốc H và bà Bùi Thị V mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 300.000đ ông H, bà V đã nộp theo biên lai thu số 0008826 ngày 15/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Đào